

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIAO THỦY
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:24/2023/HNGĐ-ST

Ngày:14-3-2023

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phùng Thị Quỳnh;

Ông Vũ Hùng Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số:194/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đồng Thị N, sinh năm 1988; địa chỉ: Xóm X, xã B, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định “có mặt”.

- Bị đơn: Anh Lưu Công T; sinh năm 1984; địa chỉ: Xóm X, xã B, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 15-11-2022, bản tự khai và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đồng Thị N trình bày: Chị và anh Lưu Công T tự nguyện tìm hiểu đã được UBND xã B, huyện Giao Thủy cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 19-01-2007. Sau ngày cưới vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh T không tu chí làm ăn, chỉ chơi bời và chị còn nghi ngờ anh T ngoại tình. Chị đã cho anh T nhiều cơ hội nhưng anh T không sửa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lưu Công T.

Tại biên bản bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các biên bản làm việc anh Lưu Công T trình bày: Anh và chị Đồng Thị N tự nguyện tìm hiểu đã được UBND

xã B, huyện Giao Thủy cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 19-01-2007. Thời gian chung sống mâu thuẫn vợ chồng không có gì lớn chỉ cãi vã nhỏ một phần là về kinh tế. Nay chị N có đơn ly hôn, anh không đồng ý. Anh đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt anh.

Về con chung: Chị Đồng Thị N và anh Lưu Công T thống nhất khai: Vợ chồng có 02 con chung là Lưu Thị Thu H, sinh ngày 12-11-2008 và Lưu Thanh T, sinh ngày 26-12-2010; vợ chồng ly hôn chị nhận nuôi cả hai con, nếu không được nuôi cả hai con chung thì chị nhận nuôi cháu T; vợ chồng ly hôn anh T nhận nuôi cháu H, hai bên đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản: Chị N rút yêu cầu chia tài sản chung; anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Tại bản tự khai cùng ngày 28-10-2022, cháu Lưu Thanh T có nguyện vọng được ở với chị N, cháu Lưu Thị Thu H có nguyện vọng được ở với chị N, anh T đều được.

Tại biên bản làm việc ngày 28-12-2022, đại diện chính quyền địa phương cùng đoàn thể, cơ sở xã B cung cấp: Chị Đồng Thị N và anh Lưu Công T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B vào năm 2007. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do hai bên không hợp nhau. Chị N và anh T có 02 con chung. Nay chị N có đơn ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Đồng Thị N ly hôn anh Lưu Công T; về con chung: Giao chị Đồng Thị N nuôi con chung Lưu Thanh T, sinh ngày 26-12-2010; giao anh Lưu Công T nuôi con chung là Lưu Thị Thu H, sinh ngày 12-11-2008; chị N và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với việc chị Đồng Thị N rút yêu cầu giải quyết về tài sản. Về án phí: Đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và lời khai của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Lưu Công T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên có căn cứ và đủ điều kiện xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đồng Thị N và anh Lưu Công T tự nguyện tìm hiểu và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định vào ngày 19-01-2007 là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh T không tu chí làm ăn, chỉ chơi bời do chị N nghi ngờ anh T ngoại tình. Chị N có nguyện vọng ly hôn, anh T không đồng ý nhưng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh T mâu thuẫn đã trầm trọng, nếu kéo dài cũng không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không

đạt. Vì vậy, chấp nhận nguyện vọng của chị N ly hôn anh T là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị N và anh T có 02 con chung là Lưu Thị Thu H, sinh ngày 12-11-2008 và Lưu Thanh T, sinh ngày 26-12-2010. Căn cứ nguyện vọng của đương sự, của con chung và để đảm bảo sự phát triển tốt nhất của cháu H, cháu T; vì vậy giao chị N trực tiếp nuôi cháu T; giao anh T trực tiếp nuôi con cháu H, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản: Chị N rút yêu cầu giải quyết tài sản; xét thấy việc nguyên đơn chị Đồng Thị N rút yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung là tự nguyện, căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia tài sản chung của vợ chồng. Sau này có phát sinh tranh chấp về việc chia tài sản chung thì sẽ được giải quyết bằng một vụ kiện khác.

[5] Về án phí: Chị N phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 244 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Xử lý hôn giữa chị Đồng Thị N và anh Lưu Công T.

2. Về con chung: Giao chị Đồng Thị N trực tiếp nuôi con chung là Lưu Thanh T, sinh ngày 26-12-2010 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Giao anh Lưu Công T trực tiếp nuôi con chung là Lưu Thị Thu H, sinh ngày 12-11-2008 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị N, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đồng Thị N về việc yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng.

4. Về án phí: Chị Đồng Thị N phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị N đã nộp số tiền tạm ứng án 5.750.000 đồng tại biên lai thu số 0000316 ngày 12-12-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giao Thủy; nay đối trừ, trả lại chị N 5.450.000 đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Đồng Thị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lưu Công T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giao Thủy;
- Chi cục THADS huyện Giao Thủy;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký**

Phạm Thanh Lâm

